

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-PT

Ngày 16- 11 - 2019

V/v Buộc tháo dỡ và di dời tài sản
trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến;

Các Thẩm phán:

Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Phạm Văn Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc: Buộc tháo dỡ và di dời tài sản trên đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2019/QĐXX-PT ngày 23 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên Tòa số 74/2019/QQĐ-PT ngày 07/11/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1966. Cư trú tại: Thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Triệu Hạnh H
- Luật sư thuộc văn phòng luật sư Triệu H, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1957. Cư trú tại: Thôn N (nay là thôn Q), xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Tài H – Luật sư thuộc văn phòng luật sư N, Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị N, sinh năm 1968, có mặt.

2. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991, có mặt.

3. Bà Nông Thị H, sinh năm 1957 có mặt.

4. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1987 có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N (nay là thôn Q), xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ H – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt,

6. Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ – Công chức địa chính – Xây dựng xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt,

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện cùng những lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Hoàng Văn L trình bày: Bố mẹ ông sinh được 03 anh em ruột, có hai con trai, 01 con gái, ông là em trai ruột ông Hoàng Văn M. Năm 1989 ông kết hôn với bà Nông Thị N, sau kết hôn vợ chồng ông sống chung cùng mẹ trên thửa đất số 273, diện tích 333m² hiện ông đang ở. Khoảng năm 1980 bố mẹ ông chia đất cho 01 thửa đất diện tích 333m², trên đất đã có nhà ở và có đường đi từ đường của xóm đi vào nhà có chiều dài khoảng 20m, chiều rộng nhất khoảng 04m, chỗ hẹp nhất khoảng 03m; chia cho ông Hoàng Văn M 02 thửa đất, một thửa đất có diện tích là 320 m² giáp phía Nam của đường đi và một thửa đất có diện tích là 367m² giáp phía Bắc của đường đi, hai thửa đất này có ranh giới liền kề dọc theo hai bên đường đi vào nhà ông nối liền từ đường của xóm đến cổng nhà. Đến năm 2004 ông và ông Hoàng Văn M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi hai anh em được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mẹ ông vẫn còn sống và chung sống với vợ chồng ông đến năm 2008 thì mẹ ông chết, do mảnh đất mẹ để lại nằm phía trong phần đất của anh trai (ông Hoàng Văn M) được chia nên mẹ ông đã để lại một lô đất làm lối đi duy nhất nối liền từ nhà ông ra đường của xóm có các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa đất ở của ông Hoàng Văn M; phía nam giáp thửa đất vườn của ông Hoàng Văn M, phía tây giáp với đường của xóm; phía đông giáp đất ở của gia đình ông. Lối đi này đã được thể hiện trên bản đồ địa chính xã M, huyện H đo đạc năm 2003 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H quản lý. Đến tháng 8 năm 2018 ông Hoàng Văn M đã lấn chiếm toàn bộ con đường và xây dựng tường rào, làm sân, làm cổng trên diện tích đường đi nối liền từ đường bê tông của xóm vào đến cổng nhà ông. Hiện nay gia đình ông đi lại dọc theo tường rào qua thửa đất vườn của ông Hoàng Văn M thì mới ra được đường bê tông của thôn, lối đi này hiện ông Hoàng Văn M đã lấn chiếm chỗ hẹp nhất khoảng 0,8m. Gia đình ông chỉ có lối đi duy nhất này đã được sử dụng liên tục ổn định từ trước năm 1980 (từ khi bố mẹ ông còn sống), do vậy ông đã nhiều lần yêu cầu ông

Hoàng Văn M trả lại nguyên hiện trạng không được lấn chiếm và thu hẹp lối đi, chỉ sử dụng đúng phần đất của mình nhưng ông Hoàng Văn M không hợp tác, nên ông phải làm đơn trình báo các cấp chính quyền địa phương nhờ can thiệp. Sau khi nhận đơn trình báo chính quyền địa phương đã nhiều lần xuống tại hiện trường cũng như mời ông và ông Hoàng Văn M lên Ủy ban nhân dân xã để giải quyết, công khai thông báo các điểm mốc và chiều dài, chiều rộng của đường đi được thể hiện trên bản đồ địa chính do nhà nước quản lý và cắm mốc để hai bên thực hiện, nhưng ông Hoàng Văn M không hợp tác đã tự ý phá bỏ mốc giới do cán bộ xã cắm và tự cho đó là đất của mình, mặc dù ông Hoàng Văn M không có căn cứ gì để chứng minh điều đó. Ngay sau khi đoàn công tác về khỏi ông Hoàng Văn M tiếp tục có hành động hàn một chiếc cổng sắt có lắp khóa ngay đầu lối đi nơi tiếp giáp với đường bê tông của xóm để thể hiện chủ quyền của mình và kiểm soát việc đi lại của gia đình ông, làm ảnh hưởng rất lớn đến việc đi lại vận chuyển đồ đạc của gia đình ông. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng xem xét giải quyết với các nội dung sau:

Yêu cầu ông Hoàng Văn M trả lại con đường đi nối liền từ đường bê tông của xóm vào đến cổng nhà ông theo bản đồ địa chính của xã, mà ông Hoàng Văn M đã lấn chiếm. Tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng như tường rào, cổng sắt, nền gạch mà ông Hoàng Văn M đã cố tình lấn chiếm xây dựng bất hợp pháp trên đường đi.

Bị đơn ông Hoàng Văn M trình bày:

Về quan hệ giữa ông và ông Hoàng Văn L trình bày là đúng. Năm 1980 ông xây dựng gia đình với bà Nông Thị H, năm 1981 vợ chồng ông ra ở riêng và được bố mẹ chia đất cho hai anh em để quản lý, ông được chia 02 thửa đất, 01 thửa đất ở diện tích 320m² và 01 thửa đất vườn diện tích 367m² và ông Hoàng Văn L ở với bố mẹ cũng được chia hai thửa đất 01 thửa đất ở tại nhà gốc của bố mẹ, 01 thửa đất vườn ở phía sau đất vườn nhà ông. Đất sau khi được bố mẹ chia cho 2 anh em năm 2004 đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Toàn bộ diện tích đất ở và đất vườn của ông Hoàng Văn L ở phía bên trong của hai thửa đất gia đình ông, giữa hai thửa đất của 2 gia đình có con đường mòn đi vào nhà ông Hoàng Văn L đã có từ thời bố mẹ ông, có chiều dài khoảng 20m, chiều rộng chỉ có người và xe đạp đi lại được, còn rộng bao nhiêu mét ông không biết. Sau khi ông làm nhà ra ở riêng gia đình ông và gia đình ông Hoàng Văn L vẫn đi chung một đoạn đường từ đường liên thôn vào hết phần cổng nhà ông dài khoảng 10m, còn từ cổng nhà ông vào đến nhà ông L dài khoảng 10m. Hai gia đình vẫn đi lại con đường từ lâu không có xảy ra tranh chấp gì với nhau, đến tháng 7 năm 2018 âm lịch ông và ông Hoàng Văn L không thống nhất được lối đi xuống vườn nên đã xảy ra cãi, chửi nhau. Trong đó con đường mà gia đình ông Hoàng Văn L đang đi lại là một phần qua đất vườn của ông, nên ông đã dựng 02 tấm sắt rộng 1,8m cao 2,0m thành cửa trên lối đi chung của nhà ông và nhà ông L, ông dựng cửa sắt trên lối đi là trên đất vườn của gia đình ông. Sau khi ông dựng cửa sắt thì gia đình ông Hoàng Văn L cho rằng bịt lối đi của gia đình ông L, nên đã kiện ông yêu cầu ông dỡ hai tấm sắt mở lối đi cho gia đình ông Hoàng Văn L. Sau đó chính quyền thôn, xã xuống lập biên bản, đo lại con đường và yêu

cầu gia đình ông trả lại con đường cho ông Hoàng Văn L. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông L, ông chỉ cho phép gia đình ông L đi lại bằng xe máy được, còn mở rộng để ô tô đi được ông không đồng ý. Theo ông được biết con đường đi vào nhà ông Hoàng Văn L là từ khi sinh ra đã được đi con đường này từ thời bố mẹ ông có chiều dài khoảng 20m, chiều rộng chỉ có người và xe đạp đi lại được, còn về con đường có thể hiện trên bản đồ hay không ông không biết. Nay ông Hoàng Văn L khởi kiện yêu cầu ông tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng và trả lại con đường đi cho gia đình ông L theo bản đồ địa chính xã M ông không đồng ý. ông không cho gia đình ông L đi lại qua thửa đất vườn của gia đình ông, vì đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2004.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nông Thị N trình bày: Bà kết hôn với ông Hoàng Văn L vào năm 1989, sau kết hôn vợ chồng bà ở chung cùng bố mẹ và được mẹ chồng là bà Hoàng Thị Mọn chia đất cho vợ chồng và ông Hoàng Văn M. Việc chia đất đai bà nhất trí như ý kiến trình bày của ông Hoàng Văn L. Bà yêu cầu gia đình ông Hoàng Văn M trả lại nguyên hiện trạng con đường đi như cũ được thể hiện trên bản đồ địa chính xã M và tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất trả lại mặt bằng cho gia đình bà.

Anh Hoàng Văn T trình bày: Anh là con ông Hoàng Văn L, con bà Nông Thị N. Cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bố và mẹ anh.

Bà Nông Thị H và anh Hoàng Văn K trình bày :

Bà H và anh K cũng đồng ý với ý kiến của bị đơn ông Hoàng Văn M đã trình bày. Bà Nông Thị H và anh Hoàng Văn K không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu mở lối đi theo bản đồ địa chính và buộc tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất; vì đất gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2004.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện H ông Vũ H trình bày:

Liên quan đến nội dung vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tại thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giữa ông Hoàng Văn L và ông Hoàng Văn M. Phòng Tài nguyên và Môi trường đã ban hành công văn số 56/TNMT ngày 01/7/2019 về việc cung cấp thông tin liên quan đến vụ án. Ông Hoàng Văn L đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V064947, sổ vào sổ 00608 theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 30/9/2004 đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 49 xã M diện tích 333m², mục đích sử dụng đất thổ cư (*cấp đổi đồng loạt năm 2004*).

Ông Hoàng Văn M đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y011510 sổ vào sổ cấp giấy 00621 theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 30/9/2004, trong đó có thửa đất số 261, tờ bản đồ số 49 xã M diện tích 367m², mục đích sử dụng đất vườn và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y011513 sổ vào sổ cấp giấy 00623 theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 30/9/2004 đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số 49 xã M, diện tích 320m², mục

đích sử dụng đất thổ cư (*thửa đất số 261 và 272 thực hiện theo dự án cấp đổi đồng loạt năm 2004*). Theo bản đồ địa chính thì thửa đất số 273, tờ bản đồ địa chính số 49 xã M có một phần đường nhánh từ đường dân sinh dẫn vào thửa đất số 273. Phần diện tích này thuộc đất đường giao thông và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đoạn đường nhánh có độ rộng khoảng 02m, dài khoảng 18,6m mở rộng phần giáp với thửa đất số 273 rộng khoảng 4,7m; phần đường này có diện tích khoảng 45m². Đất đường giao thông do UBND xã M huyện H quản lý. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND xã M, huyện H trình bày:

Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tới vụ án, sau khi xem xét vụ việc, kết hợp với việc kiểm tra hồ sơ địa chính khu đất, UBND xã có ý kiến như sau:

Diện tích đất gia đình ông Hoàng Văn L hiện đang ở đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V064947, sổ vào sổ 00608 theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 30/9/2004 đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 49 xã M diện tích 333m², mục đích sử dụng đất thổ cư.

Ông Hoàng Văn M đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y011510 sổ vào sổ cấp giấy 00621 theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 30/9/2004, trong đó có thửa đất số 261, tờ bản đồ số 49 xã M diện tích 367m², mục đích sử dụng đất vườn và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y011513 sổ vào sổ cấp giấy 00623 theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 30/9/2004 đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số 49 xã M, diện tích 320m², mục đích sử dụng đất thổ cư (*thửa đất số 261 và 272 cấp đổi năm 2004*). Về diện tích đất tranh chấp yêu cầu mở lối đi theo bản đồ địa chính thì thửa đất số 273, tờ bản đồ địa chính số 49 xã M có một phần đường nhánh từ đường dân sinh dẫn vào thửa đất số 273. Phần diện tích này thuộc đất đường giao thông và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đoạn đường nhánh có độ rộng khoảng 2m, dài khoảng 18,6m mở rộng phần giáp với thửa đất 273 rộng khoảng 4,7m; phần đường này có diện tích 45m². Đất đường giao thông do UBND xã M quản lý. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã áp dụng khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1, 10, 12 Điều 170, khoản 1 Điều 175 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NĐ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L. Buộc ông Hoàng Văn M tháo dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất và trả lại nguyên trạng con đường theo bản đồ địa chính số 49 xã M, gồm: Tường rào hỗn hợp có chiều dài từ trụ cổng nhà ông Hoàng Văn M vào đến tường rào cổng của ông Hoàng Văn L là 8,82m, trong đó: Phần tường bên trên bằng sắt hỗn hợp là 10m², tường xây cay

chất hai mặt bên dưới là 09m²; 01 trụ cổng và một phần cổng có mái tôn có chiều dài là 2,27m; phần sân lát gạch đỏ là 5,5m² và 01 bức tường xây cay không chất tiếp giáp đường bê tông của thôn có chiều rộng là 2,55m, chiều cao 2,25m, trên tổng diện tích 24,5m². Đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất vườn ông Hoàng Văn M dài 17,97m; phía nam tiếp giáp đất ở của ông Hoàng Văn M dài 17,79m; phía đông giáp đất ông Hoàng Văn L có cạnh dài 4,7m; phía tây giáp đường bê tông liên thôn dài 2,55m (có sơ họa kèm theo).

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Văn M phải chịu toàn bộ 5.800.000đ (năm triệu tám trăm) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí trưng cầu giám định. Xác nhận ông Hoàng Văn M đã nộp chi trưng cầu giám định là 3.000.000đ (ba triệu đồng); buộc ông Hoàng Văn M phải hoàn trả cho ông Hoàng Văn L số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm).

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi xuất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 17/9/2019 ông Hoàng Văn M và bà Nông Thị H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo 2 hướng như sau:

1- Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và ông Hoàng Văn M, bà Nông Thị H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và ông Hoàng Văn L đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo đề ngày 17/9/2019 của ông Hoàng Văn M, bà Nông Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, được coi là hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, ông Hoàng Văn M thừa nhận gia đình có con đường đi trên đất tranh chấp từ thời bố, mẹ ông để lại từ năm 1980. Bà H vợ ông cho rằng có con đường đi ở lối khác, không phải con đường này. căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã được làm rõ phần trụ cổng có mái tôn phải tháo dỡ là 2,7m trong tổng số diện tích mái tôn. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn M và bà Nông Thị H. Cần sửa lời tuyên của án sơ thẩm.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông ông Hoàng Văn Đô, đại diện theo ủy của UBND xã M, huyện H và ông Vũ H, đại diện theo ủy của UBND huyện H vắng mặt. Tuy nhiên, họ đều đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xử vắng mặt. Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt họ. Bởi vậy, Hội đồng xét xử sau khi thảo luận. Căn cứ vào Điều 228; 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về quan hệ pháp luật là “*Buộc tháo dỡ và di dời tài sản trên đất*” theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị H; Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Hoàng Văn M và bà Nông Thị H kháng cáo là hợp lệ, tuy nhiên, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh và phục vụ cho việc kháng cáo của mình, ngoài những tài liệu chứng cứ đã được làm rõ tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa hôm nay, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và ông M cũng như bà Nông Thị H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các ý kiến trình bày trong đơn kháng cáo, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay của bị đơn ông Hoàng Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Thị H là không có căn cứ. Bởi, thửa đất số 273, tờ bản đồ số 49 xã M, huyện H của hộ ông Hoàng Văn L có diện tích là 333m² và các thửa 261 có diện tích là 367m²; thửa 272 diện tích 320m², tờ bản đồ số 49 xã M, huyện H của hộ ông Hoàng Văn M có nguồn gốc là đất của bố mẹ để lại, năm 1980 đã chia cho 02 anh em nhà ông Hoàng Văn L và đã có con đường đi từ đường của xóm vào nhà ông Hoàng Văn L, có chiều dài 20m; đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004. Đến tháng 8 năm 2018 ông Hoàng Văn M xây dựng cổng, làm sân và xây tường rào đã lấn chiếm phần đường đi chung thuộc đất giao thông, tờ bản đồ số 49 do Ủy ban nhân dân (UBND) xã M huyện H quản lý, UBND xã M đã tiến hành xác minh cắm lại ranh giới, mốc giới, đã giải quyết và khẳng định phần đường đi này theo bản đồ địa chính năm 2003, có diện tích là 45m² thuộc đất đường giao thông và không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho ai. Như vậy, diện tích đất mà ông Hoàng Văn M lấn chiếm đất đường đi và sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng ranh giới thửa đất là vi phạm khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 170 Luật đất đai năm 2013. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị H không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm ghi chưa rõ ràng về phần mái tôn 2,27m phải tháo dỡ nằm trong diện tích nào? Khó khăn cho công tác Thi hành án sau này. Do vậy, cần sửa lời tuyên là: Buộc ông Hoàng Văn M phải tháo dỡ 01 trụ cổng và một phần cổng có mái tôn chiều dài 2,27m nằm trong tổng diện tích 10m² của phần tường bên trên có mái sắt hỗn hợp.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hoàng Văn M không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì không có cơ sở.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ngày 21/3/2019 ông Hoàng Văn L đã nộp tạm ứng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 5.000.000 đồng và Hội đồng định giá đã chi hết số tiền 2.800.000 đồng, số tiền còn lại 2.200.000 đồng đã được trả lại cho ông Hoàng Văn L theo biên bản giao nhận ngày 12/4/2019; tiền chi phí về trưng cầu giám định theo yêu cầu của ông Hoàng Văn M, đã nộp tạm ứng số tiền là 3.000.000 đồng, đã chi cho việc trưng cầu giám định hết số tiền là 3.000.000 đồng. Xác nhận ông đã nộp đủ. Do yêu cầu của ông Hoàng Văn L được chấp nhận nên ông Hoàng Văn M phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền là 2.800.000 đồng. Buộc ông Hoàng Văn M phải trả cho ông Hoàng Văn L số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.800.000 đồng và phải chịu lãi xuất chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[7] Đối với án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Hoàng Văn M được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nông Thị H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 147; 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 175 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NĐ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L. Buộc ông Hoàng Văn M tháo dỡ toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất và trả lại nguyên trạng con đường theo bản đồ địa chính số 49 xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn bao gồm: Tường rào hỗn hợp có chiều dài từ trụ cổng nhà ông Hoàng Văn M vào đến tường rào cổng của ông Hoàng Văn L là 8,82m, trong đó: Phần tường bên trên bằng sắt hỗn hợp là 10m², tường xây cay chát hai mặt bên dưới là 09m²; 01 trụ cổng và một phần cổng có mái tôn có chiều dài là 2,27m nằm trong tổng diện tích 10m² của phần tường bên trên có mái sắt hỗn hợp; phần sân lát gạch đỏ là 5,5m² và 01 bức tường xây cay không chát tiếp giáp đường bê tông của thôn có chiều rộng là 2,55m, chiều cao 2,25m, trên tổng diện tích 24,5m². Đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất vườn ông Hoàng Văn M dài 17,97m; phía nam tiếp giáp đất ở của ông Hoàng Văn M dài 17,79m; phía đông giáp đất ông Hoàng Văn L có cạnh dài 4,7m; phía tây giáp đường bê tông liên thôn dài 2,55m (có sơ họa kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Văn M phải chịu toàn bộ 5.800.000đ (năm triệu tám trăm) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí trưng cầu giám định. Xác nhận ông Hoàng Văn M đã nộp và chi phí trưng cầu giám định là 3.000.000đ (ba triệu đồng); buộc ông Hoàng Văn M phải hoàn trả cho ông Hoàng Văn L số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Văn M được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Bà Nông Thị H được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền AA/2015/0000971 ngày 20/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (16/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h-H, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS h-H, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến